| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH GIA LAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số: 15/2020/HS-PT
Ngày 10-3-2020

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**----------**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng
*Các Thẩm phán:* Ông Võ Văn Bình
Ông Trần Văn Cảnh
-***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.
***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 05/2020/TLPT-HS ngày 08 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Kpă M do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 20/2019/HSST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai.

**Bị cáo có kháng cáo:*

Kpă M, Sinh năm: 1986, tại huyện I, tỉnh Gia Lai. Nơi cư trú: Thôn B, xã IR, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Rah Lan Ng và bà Kpă H, bị cáo có vợ là Ra Lan H'R, có 02 con lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2013 (đã chết); tiền án, tiền sự: Không; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo: Ông Vi Mạnh Hà, luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt

* Người phiên dịch: Bà Nay H'Yan, phiên dịch tiếng Jrai. Vắng mặt do bị cáo nghe hiểu tiếng phổ thông nên từ chối phiên dịch.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**1.Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Khoảng đầu năm 2015, Kpă M tự ý đi vào rừng thuộc địa phận xã IT, huyện I, tỉnh Gia Lai, khu vực giáp ranh với xã IR, huyện K, để tìm đất rừng phá làm

nương rẫy. Sau khi chọn được khu rừng thuộc lô 2, lô 5 khoảnh 8 tiểu khu 1248 là rừng thuộc địa phận xã IT, huyện I thì M dùng 01 con dao rựa của mình đi vong quanh chu vi khu vực rừng mình đã chọn chặt 10 cây có đường kính gốc khoảng từ 04cm - 06cm, mục đích là để đánh dấu vị trí đất mà M đã chọn.

Vào tháng 02 năm 2019, M vào địa điểm trên lô 2, lô 5 khoảnh 8 tiểu khu 1248 sử dụng máy cưa cầm tay trực tiếp cắt hạ toàn bộ các loại cây gỗ gồm các loại cây Bằng lăng, Cà chít, Dầu, Căm xe, SP5, Lim xẹt, Sến, Gáo, Bình linh… M cắt hạ được 02 ngày rồi nghỉ về nhà.Sau một tuần M tìm gặp 04 ngươi cùng thôn là Siu Cô, Kpă H'Mai, Kpă H'Boan và Kpă Nui và nói những người trên đi làm trả công dọn rẫy để trồng mì cho M, 04 người trên sử dụng dao rựa để phát dọn các loại cây bụi, cây le, cành cây của những cây mà M đã cắt hạ xuống trên.

Ngày 26/3/2019, tổ kiểm tra liên ngành xã IT, huyện I đi kiểm tra, phát hiện diện tích rừng trên địa bàn bị chặt phá nên đã báo các ngành chức năng để vào cuộc để điều tra. Ngày 28/3/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện I chủ trì khám nghiệm hiện trường, xác định diện tích rừng bị phá là 6.000$m^2$, tại vị trí lô 2, lô 5, khoảnh 8, tiểu khu 1248 thuộc loại rừng sản xuất. Trạng thái rừng RLN (rừng gỗ tự nhiên núi đất, lá rộng rụng lá nghèo) và rừng RLP (rừng gỗ tự nhiên núi đất, lá rộng, lá rụng, phục hồi). Hiện trường cây, thực bì đã bị cháy, chỉ còn 144 gốc các loại Bằng lang, Cà chít, Dầu, Căm Xe, SP5, Lim xẹt, Sến, Gáo, Bình linh… Đồng thời, yêu cầu Kpă M và những người đổi công dọn cành cây, cây leo, cây bụi cho M đến hiện trường xác định vị trí, diện tích, số lượng gốc cây trên diện tích đất rừng mà Kpă M chặt phá.

Tại bản kết luận của Sở NN&PT nông thôn tỉnh Gia Lai ngày 06/6/2019, kết luận 6.000$m^2$ rừng bị phá tại lô 2, lô 5 thuộc khoảnh 8, tiểu khu 1248 do UBND xã IT, huyện I quản lý thuộc quy hoạch rừng sản xuất, có tổng khối lượng gỗ thiệt hại là 9,391$m^3$ (Trong đó, gỗ thân: 8,924$m^3$; gỗ cành ngọn: 0,467$m^3$), khối lượng củi thiệt hại là 1,01ster. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 08/HĐĐG-KL ngày 02/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện I, xác định giá trị 9,391$m^3$ gỗ các loại, là 31.157.365 đồng, thiệt hại về môi trường rừng là 93.471.000 đồng.

**2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:**

Tại bản án hình sơ sơ thẩm số 20/2019/HSST ngày 18-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Kpă M phạm tội "*Hủy hoại rừng"*.

Áp dụng Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Kpă M 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm bồi thường dân sự, quyết định về xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của bị cáo theo luật định.

**3. Kháng cáo của bị cáo**

Ngày 29/11/2019 bị cáo Kpă M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

**4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:**

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Kpă M giữ nguyên nội dung kháng cáo. Thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm, nhận tội. Xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Bị cáo cung cấp tài liệu cho là trồng rừng khắc phục hậu quả và đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ do bị cáo có nhiều thành tích trong công tác và ông nội bị cáo là người có công.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng mức án đối với bị cáo là quá nghiêm khắc do bị cáo nghèo khó, lập gia đình mà không có đất canh tác nên theo phong tục phải phát rừng làm rẫy, sau khi phạm tội bị cáo đã ăn năn hối cải nên trồng rừng để khắc phục hậu quả, khi còn công tác bị cáo được nhiều giấy khen và ông Nội bị cáo có công với đất nước, bản thân bị cáo phạm tội lần đầu và có chỗ ở ổn định. Đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, 2 BLHS xử bị cáo mức án từ 6 đến 9 tháng tù và cho bị cáo được hưởng án treo. Ngoài ra bị cáo đã trồng rừng với tỉ lệ cây sống được xác định là 70%, đề nghị trừ 70% tiền bồi thường dân sự cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, theo đó, bị cáo đã dùng máy cưa cầm tay chặt phá 6.000$m^2$ diện tích rừng, tại vị trí lô 2, lô 5, khoảnh 8, tiểu khu 1248 thuộc loại rừng sản xuất. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện I xét xử bị cáo về tội "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội.

[2] Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo thấy rằng: Bị cáo có trình độ học vấn 12/12, đã từng làm Phó thôn, Công an viên nên hiểu rõ hành vi xâm hại rừng, chặt phá cây rừng để làm rẫy là vi phạm pháp luật nhưng đã hủy hoại 6.000 $m^2$ rừng đề làm nương rẫy có tổng khối lượng gỗ thiệt hại là 9,391$m^3$, khối lượng củi thiệt hại là 1,01ster. Giá trị xác định giá thiệt hại về lâm sản là 31.157.365 đồng, thiệt hại về môi trường rừng là 93.471.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá đúng tình tiết giảm nhẹ, nay phát sinh thêm tình tiết giảm nhẹ do bị cáo được tặng giấy khen trong quá trình công tác và ông Nội bị cáo có công với đất nước, đều là tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS cần áp dụng thêm cho bị cáo. Tuy nhiên, với hành vi nêu trên thì việc tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo mức án 15 tháng tù là đã khoan hồng và cần thiết để giáo dục bị cáo và để răn đe chung nên tuy phát sinh thêm tình tiết giảm nhẹ nhưng bị cáo cũng không được giảm hình phạt. Trong tình hình hiện nay, việc lợi dụng phong tục tập quán để hủy hoại rừng xảy ra nhiều, đặc biệt là đối tượng hủy hoại rừng đa số là người được

giao nhiệm vụ, quyền hạn tại địa phương hoặc đã từng giữ các chức vụ, quyền hạn nhất định như trường hợp của bị cáo, gây ra hậu quả rừng bị xâm hại nghiêm trọng, ảnh hưởng đến chất lượng môi trường sống. Do đó, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để giáo dục bị cáo và răn đe chung cho xã hội.

Đối với việc bị cáo tự trồng bạch đàn trong khu vực rừng bị hủy hoại thấy rằng hành động này không được xem là trồng rừng để khắc phục hậu quả như đề nghị của phía bị cáo, bởi lẽ rừng bị xâm hại là các loại cây Bằng lăng, Cà chít, Dầu, Căm Xe, SP5, Lim xẹt, Sến, Gáo, Bình linh… và môi trường rừng đã bị hủy hoại. Bị cáo trồng cây bạch đàn trên diện tích này có được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền hay không, có đúng quy hoạch, kế hoạch hay không thì chưa được làm rõ. Do đó, chi phí đầu tư như thế nào và có được khấu trừ tiền bị cáo phải bồi thường trong vụ án này hay không là do bị cáo với cơ quan chủ quản ở địa phương xem xét trong quá trình thi hành án về phần dân sự.

Vì các phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bị cáo ở vùng đặc biệt khó khăn, căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án. Miễn án phí phúc thẩm cho bị cáo.

***Vì các lẽ trên;***

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015,

1. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 20/2019/HSST ngày 18-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai về phần hình phạt.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Kpă M 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Hủy hoại rừng". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện I;
- Chi cục THADS huyện I;
- Công an huyện I;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán - chủ tọa phiên toà**

- Bị cáo;
- Lưu VT, THS, HSVA.

**Nguyễn Thị Kim Hồng**